

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-37
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-37

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phượng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 20 tháng 07 năm 2017, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		120,202,722,961	112,729,841,154
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	36,809,453,711	32,386,135,209
111	1. Tiền		20,555,007,878	22,886,135,209
112	2. Các khoản tương đương tiền		16,254,445,833	9,500,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	16,200,000,000	21,700,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		16,200,000,000	21,700,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		25,954,239,765	24,080,213,617
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	17,841,152,800	18,746,312,671
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6,673,685,448	893,476,454
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	300,000,000	4,000,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1,165,401,517	466,424,492
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(26,000,000)	(26,000,000)
140	IV. Hàng tồn kho	10	39,472,600,702	33,705,203,336
141	1. Hàng tồn kho		39,472,600,702	33,705,203,336
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1,766,428,783	858,288,992
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	1,722,610,093	858,034,040
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	43,818,690	254,952
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		110,298,768,540	111,874,282,467
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5,591,500,000	86,500,000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	5,500,000,000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	91,500,000	86,500,000
220	II. Tài sản cố định		42,456,783,347	46,378,818,093
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	37,974,470,676	41,759,418,994
222	- Nguyên giá		144,329,509,652	144,710,208,961
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(106,355,038,976)	(102,950,789,967)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	4,482,312,671	4,619,399,099
228	- Nguyên giá		7,028,980,397	7,126,480,397
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2,546,667,726)	(2,507,081,298)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	32,120,243,115	33,081,579,879
231	- Nguyên giá		52,456,972,189	52,456,972,189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(20,336,729,074)	(19,375,392,310)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4,576,197,266	2,403,498,771
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	4,576,197,266	2,403,498,771
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	15,288,338,124	14,037,210,931
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		15,166,008,924	13,914,881,731
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		122,329,200	122,329,200
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10,265,706,688	15,886,674,793
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	10,265,706,688	15,886,674,793
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		230,501,491,501	224,604,123,621

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		26,523,352,530	18,893,028,533
310	I. Nợ ngắn hạn		25,023,352,530	18,893,028,533
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	8,197,015,486	5,819,810,342
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	2,781,754,417	1,604,385,167
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1,012,903,026	1,744,305,585
314	4. Phải trả người lao động		1,159,256,160	2,941,291,000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	19	6,536,056,396	3,121,812,834
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	4,304,647,267	3,598,869,400
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1,031,719,778	62,554,205
330	II. Nợ dài hạn		1,500,000,000	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	1,500,000,000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		203,978,138,971	205,711,095,088
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	203,978,138,971	205,711,095,088
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61,725,230,000	61,725,230,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		61,725,230,000	61,725,230,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137,662,054,443	137,662,054,443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2,140,945,047	2,140,945,047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11,666,581,607)	(11,666,581,607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2,243,857,861	1,758,775,074
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11,872,633,227	14,090,672,131
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		9,193,398,231	8,294,751,504
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		2,679,234,996	5,795,920,627
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		230,501,491,501	224,604,123,621

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Người lập

Nguyễn Thị Xuân
 Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
 Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	64,756,587,648	59,944,621,849
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	51,459,973	33,196,112
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		64,705,127,675	59,911,425,737
11	4. Giá vốn hàng bán	25	57,874,441,723	49,403,349,036
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6,830,685,952	10,508,076,701
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	1,793,876,332	1,205,300,386
22	7. Chi phí tài chính	27	143,350,093	504,671,263
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		30,152,139	131,292,578
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1,251,127,193	1,567,882,397
25	9. Chi phí bán hàng	28	1,829,220,675	2,284,730,252
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	5,232,513,123	7,733,386,634
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2,670,605,586	2,758,471,335
31	12. Thu nhập khác		23,658,501	17,500,702
32	13. Chi phí khác		15,029,091	17,600,629
40	14. Lợi nhuận khác		8,629,410	(99,927)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2,679,234,996	2,758,371,408
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	-	221,552,064
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2,679,234,996	2,536,819,344
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		2,679,234,996	2,536,819,344
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	467	442

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2,679,234,996	2,758,371,408
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5,927,940,877	6,059,628,178
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		10,967,099	56,434,855
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3,010,582,419)	(2,627,882,014)
06	- Chi phí lãi vay		30,152,139	131,292,578
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5,637,712,692	6,377,845,005
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4,798,141,586)	4,872,925,700
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(5,767,397,366)	7,721,781,760
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1,046,972,752	(530,736,418)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4,756,392,052	(145,170,608)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(30,152,139)	(131,292,578)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(456,088,913)	(192,545,180)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1,000,000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		388,297,492	17,972,807,681
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2,849,327,521)	(3,442,195,071)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2,550,000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5,500,000,000)	(17,000,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		9,200,000,000	12,500,000,000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		976,020,664	824,999,617
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1,829,243,143	(7,117,195,454)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		11,588,597,191	7,567,677,374
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(9,382,819,324)	(14,925,330,128)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(3,325,187,160)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2,205,777,867	(10,682,839,914)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4,423,318,502	172,772,313
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		32,386,135,209	43,684,818,983
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	101,051
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	36,809,453,711	43,857,692,347





Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Người lập

Nguyễn Thị Xuân
 Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
 Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ *6 tháng đầu năm 2017*

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.320.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 61.725.230.000 đồng; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất băng đĩa nhạc;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất và dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

- Công ty có 01 công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47.00%	47.00%	Sản xuất và dịch vụ

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm
- Quyền sử dụng đất	42 năm
- Phần mềm quản lý	04 - 06 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại.

Hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	10,036,391,923	10,888,238,784
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10,518,615,955	11,997,896,425
Các khoản tương đương tiền	16,254,445,833	9,500,000,000
	<u>36,809,453,711</u>	<u>32,386,135,209</u>

Tại 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có số dư 16.254.445.833 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,0 %/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	16,200,000,000	16,200,000,000	21,700,000,000	21,700,000,000
	16,200,000,000	16,200,000,000	21,700,000,000	21,700,000,000

Tại 30/06/2017, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 7,2%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 47%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ là 4.700.000.000 đồng. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ lần lượt là 13.914.881.731 đồng và 15.166.008.924 đồng.

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực in ấn.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai	62,829,200	-	62,829,200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giấy Lê Hoa	59,500,000	-	59,500,000	-
	122,329,200	-	122,329,200	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	2,264,545,672	3,516,136,080
- Công Ty Cổ Phần Xúc Tiến Đông Tây	393,969,400	1,119,563,134
- Công ty TNHH phim Ánh sáng xanh	591,619,316	2,005,682,030
- Công ty TNHH NHT	1,405,514,880	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	13,185,503,532	12,104,931,427
	<u>17,841,152,800</u>	<u>18,746,312,671</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>431,282,427</u>	<u>401,990,472</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Xinhengjia Supply Chain (HK) Co. Ltd	5,981,749,282	-	267,285,864	-
Cục Viễn thông	-	-	75,350,000	-
Trả trước cho người bán khác	691,936,166	-	550,840,590	-
	<u>6,673,685,448</u>	<u>-</u>	<u>893,476,454</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Ông Phạm Đức Minh	-	4,000,000,000
Bà Nguyễn Thị Xuân (1)	300,000,000	-
	<u>300,000,000</u>	<u>4,000,000,000</u>
b) Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc (2)	5,500,000,000	-
	<u>5,500,000,000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Bà Nguyễn Thị Xuân với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 1.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Mua nhà;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày nhận tiền;
 - + Lãi suất cho vay: 5,3%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 300.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (2) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 5.500.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 5 năm kể từ ngày nhận tiền;
 - + Lãi suất cho vay: 7,75%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 5.500.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	428,957,895	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	668,574,167	-	316,647,500	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	2,397,855	-	1,259,775	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	463,980	-	223,200	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	380,110	-	99,200	-
Ký cược, ký quỹ	5,000,000	-	85,000,000	-
Phải thu khác	59,627,510	-	63,194,817	-
	1,165,401,517	-	466,424,492	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	91,500,000	-	86,500,000	-
	91,500,000	-	86,500,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

9 . NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đình Phong	26,000,000	-	26,000,000	-
- Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ LTT	-	-	570,512,033	570,512,033
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Quang Minh	900,000	900,000	900,000	900,000
- Công Ty Cổ Phần Mỹ Thuật Sen Việt	44,911,543	44,911,543	44,911,543	44,911,543
- Các khoản khác	14,054,000	14,054,000	14,054,000	14,054,000
	85,865,543	59,865,543	656,377,576	630,377,576

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24,967,975,750	-	20,591,912,043	-
Công cụ, dụng cụ	2,399,240,742	-	1,559,410,563	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	941,689,287	-	1,482,459,188	-
Thành phẩm	9,695,937,570	-	8,071,648,653	-
Hàng hoá	1,467,757,353	-	1,999,772,889	-
	39,472,600,702	-	33,705,203,336	-

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1,202,882,697	-
- Xây dựng văn phòng tại kho 86/33 Âu Cơ	1,202,882,697	-
Mua sắm tài sản cố định	3,005,374,228	2,403,498,771
- Mua sắm căn hộ (*)	3,005,374,228	2,403,498,771
Sửa chữa lớn tài sản cố định	367,940,341	-
	4,576,197,266	2,403,498,771

(*): Công ty đang đóng tiền theo tiến độ để mua 2 căn hộ cao cấp của dự án Golden Mansion tại số 119 Phố Quang, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	27,964,772,896	103,976,051,004	10,652,277,499	1,914,186,217	202,921,345	144,710,208,961
- Mua trong kỳ	-	395,245,731	616,363,636	32,960,000	-	1,044,569,367
- Thanh lý, nhượng bán	(756,739,600)	(633,125,440)	-	(35,403,636)	-	(1,425,268,676)
Số dư cuối kỳ	27,208,033,296	103,738,171,295	11,268,641,135	1,911,742,581	202,921,345	144,329,509,652
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	17,363,524,006	77,297,917,523	7,099,576,412	1,017,918,870	171,853,156	102,950,789,967
- Khấu hao trong kỳ	821,945,851	3,301,826,875	450,830,755	250,486,784	4,427,420	4,829,517,685
- Thanh lý, nhượng bán	(756,739,600)	(633,125,440)	-	(35,403,636)	-	(1,425,268,676)
Số dư cuối kỳ	17,428,730,257	79,966,618,958	7,550,407,167	1,233,002,018	176,280,576	106,355,038,976
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	10,601,248,890	26,678,133,481	3,552,701,087	896,267,347	31,068,189	41,759,418,994
Tại ngày cuối kỳ	9,779,303,039	23,771,552,337	3,718,233,968	678,740,563	26,640,769	37,974,470,676

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6,237,885,093	888,595,304	7,126,480,397
- Thanh lý, nhượng bán	-	(97,500,000)	(97,500,000)
Số dư cuối kỳ	6,237,885,093	791,095,304	7,028,980,397
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1,680,867,214	826,214,084	2,507,081,298
- Khấu hao trong kỳ	74,705,208	62,381,220	137,086,428
- Thanh lý, nhượng bán	-	(97,500,000)	(97,500,000)
Số dư cuối kỳ	1,755,572,422	791,095,304	2,546,667,726
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4,557,017,879	62,381,220	4,619,399,099
Tại ngày cuối kỳ	4,482,312,671	-	4,482,312,671

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa vật kiến trúc của tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2017 là 20.336.729.074 đồng, trong đó khấu hao trong kỳ là 961.336.764 đồng.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,722,610,093	799,878,599
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	58,155,441
	1,722,610,093	858,034,040
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	790,345,160	322,821,968
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	176,796,031	232,626,355
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	42,115,389	84,230,778
Vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thuê màn hình LED	9,169,651,267	12,900,701,277
Chi phí trả trước dài hạn khác tại Altamedia	13,517,515	2,346,294,415
Chi phí trả trước dài hạn khác	73,281,326	-
	10,265,706,688	15,886,674,793

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ Lê Trần	303,869,544	303,869,544	370,707,150	370,707,150
- LED Display Sourcing (HK) Co. Ltd	-	-	1,158,212,599	1,158,212,599
- SMARTNET TECHNOLOGY, INC.	2,242,420,730	2,242,420,730	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	5,650,725,212	5,650,725,212	4,290,890,593	4,290,890,593
	8,197,015,486	8,197,015,486	5,819,810,342	5,819,810,342

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Quảng Cáo Gia Phát	-	113,540,000
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sản Xuất Key Communications	-	211,855,000
Công ty Cổ Phần Du Lịch Văn Hóa Suối Tiên	389,840,000	-
Công ty Cổ Phần Truyền Hình Cấp STV	336,490,000	-
Công ty TNHH ANTERNATION	348,488,044	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1,706,936,373	1,278,990,167
	2,781,754,417	1,604,385,167

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1,267,051,217	3,945,861,202	4,234,564,118	-	978,348,301
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	254,952	-	326,556,850	326,556,850	254,952	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	412,525,175	-	456,088,913	43,563,738	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	64,729,193	176,539,147	206,713,615	-	34,554,725
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	23,670,000	23,670,000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6,000,000	6,000,000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	11,900,000	11,900,000	-	-
	254,952	1,744,305,585	4,490,527,199	5,265,493,496	43,818,690	1,012,903,026

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa hợp nhất niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	33,402,740	40,054,800
- Bảo hiểm y tế	2,140,600	24,870,700
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,868,196,872	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3,470,516,680	28,491,140
- Phải trả tiền đặt cọc thuê mặt bằng	-	1,868,196,872
- Quỹ phải trả người lao động	-	1,133,287,442
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,161,799,504	26,911,880
	6,536,056,396	3,121,812,834

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

20 . CÁC KHOẢN VAY NGẮN VÀ DÀI HẠN

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (1)	3,598,869,400	3,598,869,400	10,088,597,191	9,382,819,324	4,304,647,267	4,304,647,267
	3,598,869,400	3,598,869,400	10,088,597,191	9,382,819,324	4,304,647,267	4,304,647,267
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn cá nhân (2)	-	-	1,500,000,000	-	1,500,000,000	-
	-	-	1,500,000,000	-	1,500,000,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Bao gồm các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Nhựa Âu Lạc, Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ truyền thông Âu Lạc với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các nội dung chính như sau:
- + Số tiền cho vay: 4.304.647.267 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hoặc giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Tại thời điểm 30/06/2017 là 9%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 4.304.647.267 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các hợp đồng vay không có tài sản đảm bảo nhưng nhận bảo lãnh thanh toán bằng Chứng thư bảo lãnh vay vốn được ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (2) Hợp đồng mượn vốn số 001/2017/BBMV-AM-SS ngày 16/04/2017 với các cán bộ công nhân viên Công ty, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Giá trị khoản vay: 1,5 tỷ;
 - + Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 2 năm;
 - + Lãi suất cho vay: 0%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,477,656,109	12,299,191,974	203,638,495,966
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	2,536,819,344	2,536,819,344
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	281,118,965	(4,004,440,470)	(3,723,321,505)
Số dư cuối kỳ trước	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,758,775,074	10,831,570,848	202,451,993,805
Số dư đầu năm nay	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,758,775,074	14,090,672,131	205,711,095,088
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	2,679,234,996	2,679,234,996
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	485,082,787	(4,897,273,900)	(4,412,191,113)
Số dư cuối kỳ này	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	11,872,633,227	203,978,138,971

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCĐ/2017 ngày 14/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100.00%	5,795,920,627
Trích Quỹ đầu tư phát triển	8.37%	485,082,787
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.74%	970,165,573
Chi trả cổ tức (bằng 6% vốn điều lệ)	59.39%	3,442,025,540
Lợi nhuận chưa phân phối	15.50%	898,646,727

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	17.03%	10,512,440,000	17.03%	10,512,440,000
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	12.32%	7,602,110,000	12.32%	7,602,110,000
Ông Hoàng Văn Điều	9.38%	5,788,600,000	9.38%	5,788,600,000
Bà Lại Thị Hồng Diệp	5.77%	3,558,630,000	5.77%	3,558,630,000
Ông La Thế Nhân	4.79%	2,955,500,000	4.79%	2,955,500,000
Cổ đông khác	43.66%	26,949,810,000	43.66%	26,949,810,000
Cổ phiếu quỹ	7.06%	4,358,140,000	7.06%	4,358,140,000
	100%	61,725,230,000	100%	61,725,230,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61,725,230,000	61,725,230,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	61,725,230,000	61,725,230,000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	61,725,230,000	61,725,230,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3,442,025,540	3,442,202,540
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	3,442,025,540	3,442,202,540

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6,172,523	6,172,523
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	435,814	435,814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	435,814	435,814
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,736,709	5,736,709
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,736,709	5,736,709
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2,243,857,861	1,758,775,074
	2,243,857,861	1,758,775,074

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	342.49	349.08

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	38,576,581,148	31,965,525,283
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26,180,006,500	27,979,096,566
	64,756,587,648	59,944,621,849
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)	942,807,947	1,571,771,239

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	508,773	13,077,312
Hàng bán bị trả lại	50,951,200	20,118,800
	51,459,973	33,196,112

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	33,391,469,531	30,841,099,799
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	24,482,972,192	18,562,249,237
	57,874,441,723	49,403,349,036

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1,327,947,331	824,999,617
Cổ tức, lợi nhuận được chia	428,957,895	235,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	36,971,106	145,300,769
	1,793,876,332	1,205,300,386

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	30,152,139	131,292,578
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	102,230,855	316,943,830
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	10,967,099	56,434,855
	143,350,093	504,671,263

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	774,547,326	940,256,142
Chi phí khấu hao tài sản cố định	123,146,640	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	472,444,641	211,147,623
Chi phí khác bằng tiền	459,082,068	1,133,326,487
	1,829,220,675	2,284,730,252

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	136,078,245	167,159,351
Chi phí nhân công	3,444,040,150	4,119,870,693
Chi phí khấu hao tài sản cố định	721,605,850	788,577,623
Thuế, phí, lệ phí	60,123,810	63,992,702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	391,830,174	1,156,387,850
Chi phí khác bằng tiền	478,834,894	1,437,398,415
	5,232,513,123	7,733,386,634

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	221,552,064
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	412,525,175	187,670,298
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(456,088,913)	(192,545,180)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(43,563,738)	216,677,182

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	2,679,234,996	2,536,819,344
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2,679,234,996	2,536,819,344
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5,736,709	5,736,709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	467	442

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33,874,762,905	25,116,081,406
Chi phí nhân công	13,398,596,782	10,614,390,833
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,927,940,877	6,059,628,178
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,697,073,549	6,213,095,166
Chi phí khác bằng tiền	3,954,282,391	3,598,996,398
	63,852,656,505	51,602,191,981

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36,809,453,711	-	32,386,135,209	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19,098,054,317	(26,000,000)	19,299,237,163	(26,000,000)
Các khoản cho vay	22,000,000,000	-	25,700,000,000	-
Đầu tư dài hạn	62,829,200	-	62,829,200	-
	77,970,337,228	(26,000,000)	77,448,201,572	(26,000,000)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	5,804,647,267	3,598,869,400
Phải trả người bán, phải trả khác	14,733,071,882	8,941,623,176
	20,537,719,149	12,540,492,576

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Đầu tư dài hạn	-	62,829,200	-	62,829,200
	<u>-</u>	<u>62,829,200</u>	<u>-</u>	<u>62,829,200</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Đầu tư dài hạn	-	62,829,200	-	62,829,200
	<u>-</u>	<u>62,829,200</u>	<u>-</u>	<u>62,829,200</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36,809,453,711	-	-	36,809,453,711
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18,980,554,317	91,500,000	-	19,072,054,317
Các khoản cho vay	16,500,000,000	5,500,000,000	-	22,000,000,000
	<u>72,290,008,028</u>	<u>5,591,500,000</u>	<u>-</u>	<u>77,881,508,028</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32,386,135,209	-	-	32,386,135,209
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19,273,237,163	-	-	19,273,237,163
Các khoản cho vay	25,700,000,000	-	-	25,700,000,000
	<u>77,359,372,372</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>77,359,372,372</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	4,304,647,267	1,500,000,000	-	5,804,647,267
Phải trả người bán, phải trả khác	14,733,071,882	-	-	14,733,071,882
	<u>19,037,719,149</u>	<u>1,500,000,000</u>	<u>-</u>	<u>20,537,719,149</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	3,598,869,400	-	-	3,598,869,400
Phải trả người bán, phải trả khác	8,941,623,176	-	-	8,941,623,176
	<u>12,540,492,576</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>12,540,492,576</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	38,525,121,175	26,180,006,500	64,705,127,675
Chi phí bộ phận trực tiếp	33,391,469,531	24,482,972,192	57,874,441,723
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	5,133,651,644	1,697,034,308	6,830,685,952
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	2,849,327,521	2,849,327,521
Tài sản bộ phận trực tiếp	137,239,477,151	93,262,014,350	230,501,491,501
Tổng tài sản	137,239,477,151	93,262,014,350	230,501,491,501
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	15,791,876,269	10,731,476,261	26,523,352,530
Tổng nợ phải trả	15,791,876,269	10,731,476,261	26,523,352,530

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 20.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Doanh thu		942,807,947	1,571,771,239
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	942,807,947	1,571,771,239
Cổ tức được chia		428,957,895	235,000,000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	428,957,895	235,000,000
Phải thu ngắn hạn khách hàng		431,282,427	401,990,472
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	431,282,427	401,990,472

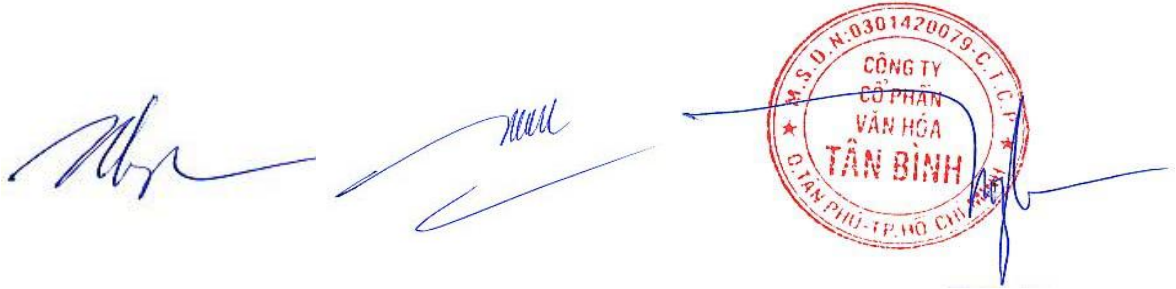
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2017